

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiễn.

2. Bà Lò Thị Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Yên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản NC, xã TL, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lường Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản NC, xã TL, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Anh Đinh Văn T và chị Lường Thị H kết hôn với nhau ngày 10 tháng 3 năm 2009. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị sống cùng với bố mẹ anh T ở Bản NC, xã TL, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, sau đó chị Lường Thị H bỏ nhà đi làm thuê, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách không còn hòa hợp với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014, trong thời gian sống ly thân anh, chị không ai quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của anh Thìn xin được ly hôn với chị Lường Thị H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Đình Thị N, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Đình Thế N, sinh ngày 13/9/2011. Khi ly hôn nguyện vọng của anh T là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Chị Lường Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Lường Thị H là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a, c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho anh Đình Văn T được ly hôn với chị Lường Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Thị Ngân, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Đình Thế Nguyên, sinh ngày 13/9/2011 cho anh Đình Văn T trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T, do anh T chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Lương Thị H: Sau khi anh Thìn có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã thụ lý và tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng chị H đều không có mặt, không có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn của anh T, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Mộc Châu ngày 10 tháng 3 năm 2009, có tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: Trong thời gian chung sống anh T và chị H sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, từ đó chị H đã bỏ đi làm ăn xa không quan tâm đến chồng con, theo xác minh tại địa phương chị vẫn thường xuyên về nhà bố mẹ để cùng xã nhưng anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn gia đình, nên anh T thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho chị Hợp đến để giải quyết nhưng chị Hợp không chấp hành, điều này chứng tỏ chị H không có thiện chí, không quan tâm đến chồng con, cũng không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H không còn. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh

T xin ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh T được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đinh Thị N, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Đinh Thế N, sinh ngày 13/9/2011. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu N và cháu N, anh T chưa yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Qua xác minh của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu với chính quyền địa phương và bố đẻ của chị Lương Thị H thì được biết hiện nay cháu N và cháu N đang được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thu nhập hàng tháng của anh T là 12.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi hai cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu cũng như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ thì cần giao cháu Đinh Thị N và cháu Đinh Thế N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Văn T. Xử cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị N, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Đinh Thế N, sinh ngày 13/9/2011 cho anh Đinh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, do anh T chưa yêu cầu.

Chị Lương Thị H được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001418 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

- Anh Đinh Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/6/2024.

- Chị Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Tà Lại (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Quỳnh

